TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2024.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Nghĩa;

Ông Trần Đại Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thiều Thị Tuý N, sinh năm 1981; cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1977; cư trú tại: số M đường C, Phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin đồng thuận ly hôn ngày 16/4/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Thiều Thị Túy N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh S không quan tâm lo cho vợ con. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn,

đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 28/11/2009 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 20/5/2015; các con hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Do vắng mặt bị đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó phải chịu hậu quả pháp lý về việc không cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2008 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Thiều Thị Tuý Nguyệt được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn S. Con chung: giao hai con chung Nguyễn Bảo T và Nguyễn Thị Phương T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thiều Thị Túy N và bị đơn anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2017 đến nay, không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về nuôi con chung: Nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 28/11/2009 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 20/5/2015; các con hiện nay đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của hai con và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Thiều Thị Túy N được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 28/11/2009 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 20/5/2015 cho nguyên đơn chị Thiều Thị Túy N trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Thiều Thị Túy N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0002507 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H, H. H, thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa